

**BAN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỆN THÔNG HÀNG KHÔNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

---

Tháng 03 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng Không (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trịnh Ngọc Thành	Chủ tịch
Ông Đào Khắc Hậu	Ủy viên
Ông Nguyễn Hải Tùng	Ủy viên
Ông Vũ Hoàng Liên	Ủy viên
Ông Võ Văn Mai	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Thọ	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 01/03/2013
Ông Nguyễn Quang Hải	Kế toán trưởng

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Mạnh Hùng**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2014*



Số: 84 /2014/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng Không  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng Không

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng Không (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06/03/2014, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng Không tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thị Phương Thảo**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0933-2013-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2014*

**Phạm Thị Hiền**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2323-2013-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>39.154.704.337</b>	<b>57.107.246.583</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.900.073.004	36.595.569.074
Tiền	111		11.900.073.004	13.726.569.074
Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	22.869.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.211.840.393	17.743.444.140
Phải thu khách hàng	131	5	23.034.160.962	9.170.521.968
Trả trước cho người bán	132	6	83.117.273	6.786.161.940
Các khoản phải thu khác	135	7	94.562.158	1.786.760.232
Hàng tồn kho	140		707.151.369	1.453.802.052
Hàng tồn kho	141	8	707.151.369	1.453.802.052
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.335.639.571	1.314.431.317
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.335.639.571	92.225.106
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.157.206.211
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	65.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>142.342.204.730</b>	<b>134.213.001.685</b>
Tài sản cố định	220		90.449.966.421	113.577.753.131
Tài sản cố định hữu hình	221	9	76.575.390.181	58.239.666.241
- Nguyên giá	222		144.315.165.090	101.079.402.333
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.739.774.909)	(42.839.736.092)
Tài sản cố định vô hình	227	10	13.142.934.240	6.380.221.716
- Nguyên giá	228		23.794.587.038	13.288.536.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.651.652.798)	(6.908.314.504)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	731.642.000	48.957.865.174
Tài sản dài hạn khác	260		51.892.238.309	20.635.248.554
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	51.892.238.309	20.635.248.554
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>181.496.909.067</b>	<b>191.320.248.268</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>116.930.464.772</b>	<b>125.615.908.680</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>80.669.804.772</b>	<b>111.208.991.440</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		13.279.260.000	4.010.400.000
Phải trả người bán	312	13	3.167.526.524	28.898.601.352
Người mua trả tiền trước	313	14	48.539.846.608	63.543.004.574
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.902.343.937	2.691.141.686
Phải trả người lao động	315		10.879.625.994	10.531.803.689
Chi phí phải trả	316		666.671.051	38.329.842
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	662.943.564	576.006.513
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		571.587.094	919.703.784
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>36.260.660.000</b>	<b>14.406.917.240</b>
Vay và nợ dài hạn	334	17	36.165.576.000	14.406.917.240
Doanh thu chưa thực hiện	338		95.084.000	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>64.566.444.295</b>	<b>65.704.339.588</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>64.566.444.295</b>	<b>65.704.339.588</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		58.031.660.000	58.031.660.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		956.596.920	956.596.920
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.578.187.375	6.716.082.668
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>181.496.909.067</b>	<b>191.320.248.268</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	31/12/2013	01/01/2013
Ngoại tệ các loại		
USD	84.769,07	42.106,93

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Trịnh Quốc Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hải

Tổng Giám đốc



The stamp contains the following text: S.Đ.Κ.Κ.Đ.: 0103019524 - C.T.Đ., CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC - VIỆN THÔNG HÀNG KHÔNG, 0. LONG BIÊN - HÀ NỘI.

Nguyễn Mạnh Hùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	129.377.926.894	105.147.640.167
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>129.377.926.894</b>	<b>105.147.640.167</b>
Giá vốn hàng bán	11	20	105.922.145.556	84.010.848.235
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>23.455.781.338</b>	<b>21.136.791.932</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	434.023.736	2.249.467.800
Chi phí tài chính	22	23	3.899.083.805	39.825.834
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.800.244.217	-
Chi phí bán hàng	24		3.953.455.535	3.983.782.219
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.063.855.678	12.280.425.951
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.973.410.056</b>	<b>7.082.225.728</b>
Thu nhập khác	31		59.979.842	1.096.876.970
Chi phí khác	32		109.544.868	954.933.208
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(49.565.026)</b>	<b>141.943.762</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.923.845.030</b>	<b>7.224.169.490</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	1.487.609.007	1.814.952.917
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.436.236.023</b>	<b>5.409.216.573</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	764	903

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Trịnh Quốc Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hải

Tổng Giám đốc




Nguyễn Mạnh Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		114.199.320.194	167.153.118.669
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(36.319.657.855)	(21.359.273.260)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(45.370.305.732)	(62.178.906.234)
Tiền chi trả lãi vay	4		(3.653.151.615)	-
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(1.524.016.667)	(3.310.011.984)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		325.104.073	1.092.667.036
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(8.720.058.377)	(10.887.818.820)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18.937.234.021</b>	<b>70.509.775.407</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(68.047.958.234)	(76.866.950.909)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7.700.000	11.954.544
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(86.869.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	89.869.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		489.328.018	2.123.265.244
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(67.550.930.216)</b>	<b>(71.731.731.121)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		42.011.838.060	18.810.161.940
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.984.319.300)	(392.844.700)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.155.133.006)	(7.470.019.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>25.872.385.754</b>	<b>10.947.297.990</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(22.741.310.441)</b>	<b>9.725.342.276</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	4	<b>36.595.569.074</b>	<b>26.934.742.948</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		45.814.371	(64.516.150)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	4	<b>13.900.073.004</b>	<b>36.595.569.074</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Trịnh Quốc Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hải

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hùng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng Không (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103019524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/11/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/12/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 55.800.000.000 đồng. Các cổ đông sáng lập của công ty gồm:

**Danh sách cổ đông sáng lập**

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh	
	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (VNA)	30.600.000.000	55%
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	13.200.000.000	24%
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	12.000.000.000	22%
	<b>55.800.000.000</b>	<b>100%</b>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 313 người (tại ngày 31/12/ 2012 là 301 người).

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh:

- Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, sản xuất, tích hợp, đào tạo, chuyển giao các hệ thống thông tin, thương mại điện tử và ứng dụng vào các công nghệ khác (không bao gồm thiết kế hệ thống mạng thông tin công trình xây dựng bưu chính viễn thông);
- Mua bán cung cấp, cho thuê, triển khai, lắp đặt các thiết bị, sản phẩm và dịch vụ tin học, viễn thông, hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống viễn thông;
- Sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
- Tư vấn cung cấp dịch vụ cho thuê nguồn lực công nghệ thông tin trong nước, nguồn dữ liệu, hỗ trợ qua điện thoại (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm) và các dịch vụ cho thuê các quy trình nghiệp vụ;
- Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, sản xuất, tích hợp, đào tạo, cho thuê các nguồn hồi phục dữ liệu sau thảm họa, các dịch vụ phục hồi dữ liệu (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Cung cấp các dịch vụ có giá trị gia tăng trên mạng viễn thông; dịch vụ thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng Không được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012 ngoại trừ việc áp dụng Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được trình bày tại Thuyết minh số 3.6.

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

K.K.D.  
C  
TINH  
H  
LONG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá thị trường tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các Tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được áp dụng từ năm tài chính năm 2013, một trong các tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định là tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên (quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 là 10 triệu đồng trở lên). Do đó, trong năm 2013, Công ty đã điều chỉnh giảm nguyên giá và khấu hao lũy kế của các tài sản có giá trị dưới 30 triệu. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 9. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Phần mềm quản lý	03 – 05

**3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào không được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ chờ phân bổ. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm và chi phí thuộc dự án thì được phân bổ theo đời dự án.

**3.9 NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 24/10/2012 (“Thông tư 179”) quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Trong năm 2013, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá quy định tại Điều 3, Điều 4 của Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Khoản

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.9 NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.
- Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

#### 3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các liên doanh mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng và tiền thực thu được.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

#### 3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận chắc chắn khi có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được trả bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra thuế của cơ quan có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.12 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng công ty Hàng không Việt Nam: góp vốn là 30.600.000.000 đồng, tương đương 53%.
- Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam (VNPT): Góp vốn là 13.200.000.000 đồng, tương đương 23%;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT: Góp vốn là 12.000.000.000 đồng, tương đương 21%;
- Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty và Ban Giám đốc Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	395.640.912	268.422.975
Tiền gửi ngân hàng	11.504.432.092	13.458.146.099
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	22.869.000.000
	<b>13.900.073.004</b>	<b>36.595.569.074</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	22.500.503.055	8.667.644.532
Hãng hàng không quốc gia Campuchia	533.657.907	499.669.836
Đối tượng khác	-	3.207.600
	<b>23.034.160.962</b>	<b>9.170.521.968</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Vi tính Vũ Thảo	-	5.757.874.560
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng kỹ thuật sản xuất	-	769.287.380
Công ty CP công nghệ Kim Tự Tháp Việt Nam	-	239.000.000
Đối tượng khác	83.117.273	20.000.000
	<b>83.117.273</b>	<b>6.786.161.940</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế TNCN phải nộp năm 2012	-	1.517.188.683
Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	106.503.402
Thuế nhà thầu với khách hàng IFR	-	101.715.244
Phải thu khác	94.562.158	61.352.903
	<b>94.562.158</b>	<b>1.786.760.232</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	701.137.596	934.201.082
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.971.773	421.720.000
Hàng hoá	2.042.000	97.880.970
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>707.151.369</b>	<b>1.453.802.052</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2013	1.024.132.723	100.055.269.610	101.079.402.333
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	57.898.071.720	57.898.071.720
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.524.939.354)	(1.524.939.354)
- Giảm khác	-	(13.137.369.609)	(13.137.369.609)
31/12/2013	<b>1.024.132.723</b>	<b>143.291.032.367</b>	<b>144.315.165.090</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2013	(455.170.112)	(42.384.565.980)	(42.839.736.092)
- Khấu hao trong năm	(170.688.792)	(29.223.667.745)	(29.394.356.537)
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.524.939.354	1.524.939.354
- Giảm khác	-	2.969.378.366	2.969.378.366
31/12/2013	<b>(625.858.904)</b>	<b>(67.113.916.005)</b>	<b>(67.739.774.909)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2013	<b>568.962.611</b>	<b>57.670.703.630</b>	<b>58.239.666.241</b>
31/12/2013	<b>398.273.819</b>	<b>76.177.116.362</b>	<b>76.575.390.181</b>

Nguyên giá và hao mòn lũy kế của các tài sản không đủ tiêu chuẩn phân loại là tài sản cố định hữu hình theo TT 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được điều chỉnh giảm lần lượt là 8.683.206.665 đồng và 2.536.327.432 đồng. Kết quả kinh doanh giảm 482.084.167 đồng do thay đổi này.

Tại ngày 31/12/2013, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.742.803.586 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm Quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2013	13.288.536.220	13.288.536.220
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10.573.247.874	10.573.247.874
- Giảm khác	(67.197.056)	(67.197.056)
31/12/2013	<u>23.794.587.038</u>	<u>23.794.587.038</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2013	(6.908.314.504)	(6.908.314.504)
- Khấu hao trong năm	(3.796.142.683)	(3.796.142.683)
- Giảm khác	52.804.389	52.804.389
31/12/2013	<u>(10.651.652.798)</u>	<u>(10.651.652.798)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2013	<u>6.380.221.716</u>	<u>6.380.221.716</u>
31/12/2013	<u>13.142.934.240</u>	<u>13.142.934.240</u>

Tại ngày 31/12/2013, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.824.201.164 đồng.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	Năm 2013 <u>VND</u>	Năm 2012 <u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2012	48.957.865.174	1.154.500.000
Tăng	21.174.841.884	76.866.950.909
Kết chuyển sang tài sản cố định	(68.471.319.594)	(29.063.585.735)
Giảm khác	(929.745.464)	-
Tại ngày 31/12/2013	<u>731.642.000</u>	<u>48.957.865.174</u>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2013 <u>VND</u>	Năm 2012 <u>VND</u>
Số dư đầu năm	20.635.248.554	11.580.504.675
Tăng trong năm	24.318.444.948	15.987.755.486
Tăng khác	21.191.118.505	1.804.285.698
Phân bổ vào chi phí trong năm	(14.252.573.698)	(8.737.297.305)
Số dư cuối năm	<u>51.892.238.309</u>	<u>20.635.248.554</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty cổ phần tập đoàn HIPT	-	18.684.500.000
Công ty CP viễn thông tin học bưu điện CT - In IFR FRANCE	-	2.224.500.296
Công ty Cổ phần XNK Hàng Không	1.205.160.000	206.632.256
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện toàn cầu	1.222.215.500	-
Đối tượng khác	740.151.024	906.030.600
	<b>3.167.526.524</b>	<b>28.898.601.352</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng công ty hàng không Việt Nam	48.415.736.608	63.418.894.574
SABRE INC	124.110.000	124.110.000
	<b>48.539.846.608</b>	<b>63.543.004.574</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT	1.856.883.237	26.090.496
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	878.545.257	914.952.917
Thuế thu nhập cá nhân	166.915.443	1.648.383.029
Các loại thuế khác	-	101.715.244
	<b>2.902.343.937</b>	<b>2.691.141.686</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	9.176.842	-
Kinh phí công đoàn	424.243.704	464.667.024
Các khoản phải trả, phải nộp khác	229.523.018	111.339.489
	<b>662.943.564</b>	<b>576.006.513</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay và nợ dài hạn (*)	36.165.576.000	14.406.917.240
	<b>36.165.576.000</b>	<b>14.406.917.240</b>

(\*) Vay và nợ dài hạn bao gồm các khoản vay các ngân hàng sau:

- Vay dài hạn của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201200364 ngày 17/10/2012 giữa công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền đầu tư mua tài sản cố định là Hệ thống máy chủ thiết bị kết nối phục vụ dự án “Đầu tư nâng cấp hệ thống kế toán tổng hợp GAS”, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường (lãi suất năm) kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + tối đa 3%/năm.

- Vay dài hạn của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201200528 ngày 23/11/2012 giữa Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền Đầu tư tài sản cố định là hệ thống phần cứng và hệ thống phần mềm phục vụ dự án “Hệ thống cổng thông tin điện tử nội bộ phục vụ cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam”, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường (lãi suất năm) kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + tối đa 3%/năm.

- Vay dài hạn của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201200338 ngày 28/09/2012 giữa Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua sắm tài sản cố định là thiết bị Ipad, máy tính xách tay dùng cập nhật tài liệu – Macbook Pro và các thiết bị đi kèm theo dự án “Cung cấp dịch vụ cho thuê hệ thống thiết bị tài liệu điện tử trên máy bay”, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường (lãi suất năm) kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + tối đa 3%/năm.

- Vay dài hạn của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201201089 ngày 23/11/2012 giữa Công ty Cổ phần Tin học viễn thông hàng không và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền đầu tư tài sản cố định là hệ thống phần mềm phục vụ dự án “Hệ thống giám sát chủ động các hệ thống công nghệ thông tin cho Tổng Công ty”, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường (lãi suất năm) kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + tối đa 3%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)**

- Vay dài hạn của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201300013 ngày 17/01/2013 giữa Cổ phần Tin Học Viễn Thông Hàng Không và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền đầu tư sản dài hạn là Hệ thống máy chủ Gói thầu: "Cung cấp trang thiết bị dịch vụ cho thuê hạ tầng phục vụ hệ thống FFP", thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường (lãi suất năm) kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + tối đa 3%/năm.

- Vay dài hạn của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201300633 ngày 27/09/2013 giữa Cổ phần Tin Học Viễn Thông Hàng Không và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền đầu tư tài sản dài hạn phục vụ dự án "Đầu tư trang thiết bị cung cấp dịch vụ thuê và đảm bảo hoạt động trang thiết bị đầu cuối cho Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam", thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường (lãi suất năm) kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + tối đa không quá 2,5%/năm.

TE  
G  
PH.  
VI  
KI  
N

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u>	Chênh lệch đánh giá lại tài sản <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
01/01/2012	58.031.660.000	283.253.432	490.095.122	9.806.921.298	68.611.929.852
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	5.237.478.870	5.237.478.870
- Phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	466.501.798	(8.500.035.953)	(8.033.534.155)
- Giảm khác	-	(283.253.432)	-	171.718.453	(111.534.979)
<b>31/12/2012</b>	<b>58.031.660.000</b>	<b>-</b>	<b>956.596.920</b>	<b>6.716.082.668</b>	<b>65.704.339.588</b>
01/01/2013	58.031.660.000	-	956.596.920	6.716.082.668	65.704.339.588
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	4.436.236.023	4.436.236.023
- Phân phối lợi nhuận năm 2012	-	-	-	(5.571.274.543)	(5.571.274.543)
- Giảm khác	-	-	-	(2.856.773)	(2.856.773)
<b>31/12/2013</b>	<b>58.031.660.000</b>	<b>-</b>	<b>956.596.920</b>	<b>5.578.187.375</b>	<b>64.566.444.295</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/11/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/12/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 55.800.000.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp là 58.031.660.000 đồng, tuy nhiên Công ty chưa thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh.

Danh sách cổ đông	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh		Vốn đã thực góp đến ngày 12/31/2013	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng công ty hàng không Việt Nam ( VNA )	30.600.000.000	55%	30.600.000.000	53%
Tập đoàn bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	13.200.000.000	24%	13.200.000.000	23%
Công ty cổ phần tập đoàn HIPT	12.000.000.000	22%	12.000.000.000	21%
Các cổ đông khác	-	0%	2.231.660.000	4%
	<b>55.800.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>58.031.660.000</b>	<b>100%</b>

Tại ngày 31/12/2013, số vốn thực tế các Cổ đông góp là 58.031.660.000 đồng đang cao hơn vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, số tiền là 2.231.660.000 đồng. Công ty đang hoàn thành các thủ tục để thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh cho phù hợp với số vốn thực tế đã góp.

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.031.660.000	58.031.660.000
+ Vốn góp đầu năm	58.031.660.000	58.031.660.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	58.031.660.000	58.031.660.000

**18.4 Cổ phiếu**

	31/12/2013 CP	01/01/2013 CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	5.580.000	5.580.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	5.803.166	5.803.166
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.803.166	5.803.166
+ Cổ phiếu thường	5.803.166	5.803.166
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	129.377.926.894	105.147.640.167
	<b>129.377.926.894</b>	<b>105.147.640.167</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	105.922.145.556	84.010.848.235
	<b>105.922.145.556</b>	<b>84.010.848.235</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.172.189.644	1.581.024.461
Chi phí nhân công	50.299.279.234	50.671.131.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.704.643.897	24.050.271.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.534.203.971	17.753.833.756
Chi phí khác bằng tiền	4.229.140.023	6.324.274.654
	<b>119.939.456.769</b>	<b>100.380.535.409</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	382.824.616	2.229.768.646
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.199.120	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	19.699.154
	<b>434.023.736</b>	<b>2.249.467.800</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	3.800.244.217	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	72.248.590	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	26.590.998	35.642.174
Chi phí tài chính khác	-	4.183.660
	<b>3.899.083.805</b>	<b>39.825.834</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.923.845.030</b>	<b>7.224.169.490</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	26.590.998	35.642.174
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	26.590.998	35.642.174
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>5.950.436.028</b>	<b>7.259.811.664</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>1.487.609.007</b>	<b>1.814.952.917</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.487.609.007</b>	<b>1.814.952.917</b>

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.436.236.023	5.237.478.870
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	5.803.166	5.803.166
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>764</b>	<b>903</b>

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ dự phòng tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.2.

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.900.073.004	36.595.569.074
Các khoản phải thu ngắn hạn	23.034.160.962	9.170.521.968
	<b>36.934.233.966</b>	<b>45.766.091.042</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	49.444.836.000	18.417.317.240
Phải trả người bán	3.167.526.524	28.898.601.352
Chi phí phải trả	666.671.051	38.329.842
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	229.523.018	111.339.489
	<b>53.508.556.593</b>	<b>47.465.587.923</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(16.574.322.627)</b>	<b>(1.699.496.881)</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2013</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	13.279.260.000	36.165.576.000	49.444.836.000
Phải trả người bán	3.167.526.524	-	3.167.526.524
Chi phí phải trả	666.671.051	-	666.671.051
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	229.523.018	-	229.523.018
	<b>17.342.980.593</b>	<b>36.165.576.000</b>	<b>53.508.556.593</b>
<b>01/01/2013</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	4.010.400.000	14.406.917.240	18.417.317.240
Phải trả người bán	28.898.601.352	-	28.898.601.352
Chi phí phải trả	38.329.842	-	38.329.842
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	111.339.489	-	111.339.489
	<b>33.058.670.683</b>	<b>14.406.917.240</b>	<b>47.465.587.923</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu

được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.900.073.004	-	13.900.073.004
Các khoản phải thu ngắn hạn	23.034.160.962	-	23.034.160.962
	<b>36.934.233.966</b>	<b>-</b>	<b>36.934.233.966</b>
<b>01/01/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.595.569.074	-	36.595.569.074
Các khoản phải thu ngắn hạn	9.170.521.968	-	9.170.521.968
	<b>45.766.091.042</b>	<b>-</b>	<b>45.766.091.042</b>

**27. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – Công ty mẹ chiếm 55% Vốn điều lệ;
- Công ty Cổ phần tập đoàn HIPT – Công ty liên kết chiếm 21% Vốn điều lệ.

**27.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>126.498.828.182</b>	<b>102.834.116.923</b>
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	126.498.828.182	102.834.116.923
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>2.590.500.000</b>	<b>34.355.371.000</b>
- Công ty Cổ phần tập đoàn HIPT	2.590.500.000	34.355.371.000
<b>Thu nhập của ban Tổng Giám đốc</b>	<b>1.092.463.207</b>	<b>785.756.118</b>
- Tiền lương	1.092.463.207	785.756.118

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**27.2 Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>22.500.503.055</b>	<b>8.380.649.074</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	22.500.503.055	8.380.649.074
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>48.415.736.608</b>	<b>82.103.394.574</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	48.415.736.608	63.418.894.574
<b>Các khoản phải trả</b>	-	<b>18.684.500.000</b>
Công ty Cổ phần tập đoàn HIPT	-	18.684.500.000

**28 GIÁ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại ngày 31/12/2013, tài sản ngắn hạn đang nhỏ hơn nợ ngắn hạn là 41.515.100.435 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 54.101.744.857 đồng) cho thấy việc mất cân đối về khả năng thanh toán trong ngắn hạn của Công ty có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Do dịch vụ của Công ty chủ yếu cung cấp cho Tổng Công ty hàng không Việt Nam (gọi tắt là VNA) nên nếu loại bỏ giá trị “Người mua trả tiền trước” của Tổng Công ty hàng không Việt Nam đã ứng trước đến 31/12/2013 là 48.539.846.608 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 63.543.004.574 đồng) để Công ty thực hiện các dịch vụ liên quan cho VNA ra khỏi số dư nợ ngắn hạn thì không còn bị mất cân đối về khả năng thanh toán trong ngắn hạn nữa. Do đó, báo cáo tài chính kèm theo vẫn được lập trên cơ sở liên tục hoạt động và chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh cần thiết nào (nếu có).

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không đã được kiểm toán và được điều chỉnh theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Theo kết quả kiểm toán này, Công ty hạch toán tăng Phải thu khách hàng, số tiền 54.972.491 đồng, tăng các khoản phải thu khác, số tiền 1.725.407.329 đồng, tăng chi phí trả trước dài hạn, số tiền 105.479.004 đồng, tăng thuế và các khoản phải nộp nhà nước, số tiền 1.714.121.049 đồng, tăng lợi nhuận chưa phân phối, số tiền 171.737.703 đồng, tăng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, số tiền 320.843.246 đồng, giảm Giá vốn hàng bán, số tiền 105.479.004 đồng, giảm Doanh thu hoạt động tài chính, số tiền 149.815.747 đồng, tăng chi phí tài chính 35.642.174 đồng, tăng Chi phí thuế TNDN hiện hành, số tiền 69.126.626 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2013 và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012 của Công ty được điều chỉnh lại tương ứng như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)**

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	01/01/2013
			Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
<b>TÀI SẢN</b>			<b>1.885.858.752</b>
Phải thu khách hàng	9.170.521.968	9.115.549.549	54.972.419
Các khoản phải thu khác	1.786.760.232	61.352.903	1.725.407.329
Chi phí trả trước dài hạn	20.635.248.554	20.529.769.550	105.479.004
<b>NGUỒN VỐN</b>			<b>1.885.858.752</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.691.141.686	977.020.637	1.714.121.049
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.716.082.668	6.544.344.965	171.737.703

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Năm 2012
			Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.147.640.167	104.826.796.921	320.843.246
Giá vốn hàng bán	84.010.848.235	84.116.327.239	(105.479.004)
Doanh thu hoạt động tài chính	2.249.467.800	2.399.283.547	(149.815.747)
Chi phí tài chính	39.825.834	4.183.660	35.642.174
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.224.169.490	6.983.305.161	240.864.329
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.814.952.917	1.745.826.291	69.126.626
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.409.216.573	5.237.478.870	171.737.703

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Trịnh Quốc Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hải

Tổng Giám đốc




Nguyễn Mạnh Hùng

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thư 05890 Quyền số 01 SCT/BS

Ngày: 06-04-2015



Lê Mạnh Hùng